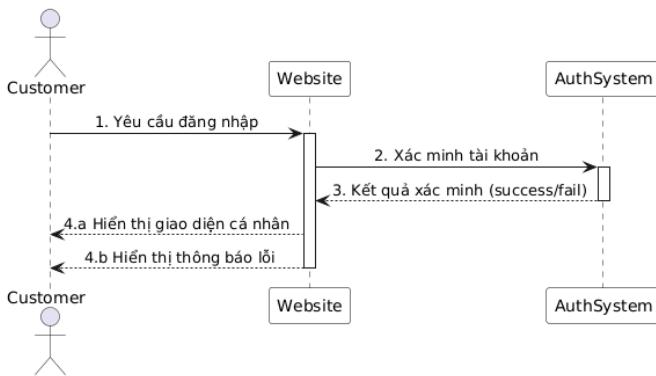


Bài 1:

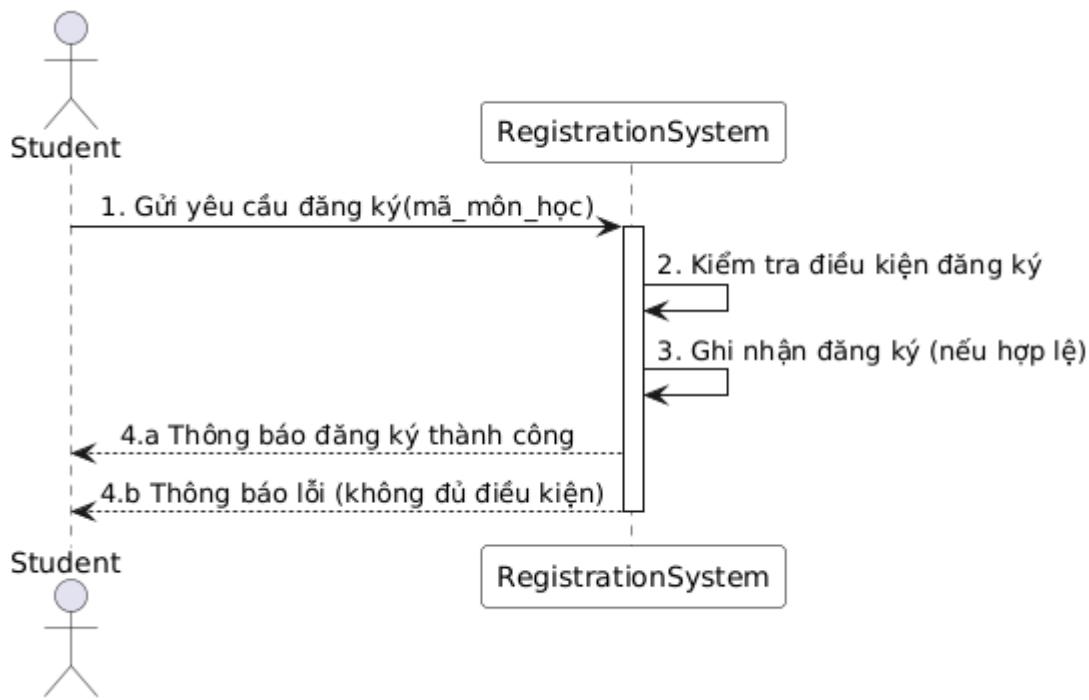
Thành phần	Loại (Phân loại)	Vai trò trong hệ thống	Giải thích
Khách hàng (Customer)	Actor	Người dùng bên ngoài khởi tạo yêu cầu tương tác với hệ thống, ví dụ: chọn sản phẩm, đặt hàng, thanh toán.	Actor đại diện cho người sử dụng thực tế, không thuộc hệ thống.
Website	Object	Là thành phần giao diện chính giữa người dùng và hệ thống, nhận yêu cầu từ khách hàng và gửi đến các dịch vụ khác.	Website là đối tượng nội bộ của hệ thống, thực hiện hành động hoặc gọi đến các đối tượng khác.
Hệ thống thanh toán (PaymentSystem)	Object (Đối tượng nội bộ hoặc bên thứ ba)	Xử lý giao dịch thanh toán khi có yêu cầu từ Website, xác nhận hoặc từ chối thanh toán.	Là đối tượng đại diện cho dịch vụ thanh toán, có thể là hệ thống con hoặc dịch vụ bên ngoài.
Lifeline	Đại diện cho dòng thời gian hoạt động của Actor/Object	Thể hiện vòng đời của các thực thể (Actor hoặc Object) trong sơ đồ Sequence.	Mỗi thành phần trên sơ đồ (Customer, Website, PaymentSystem) đều có một lifeline thể hiện các thông điệp (messages) trao đổi theo thời gian.

Bài 2:

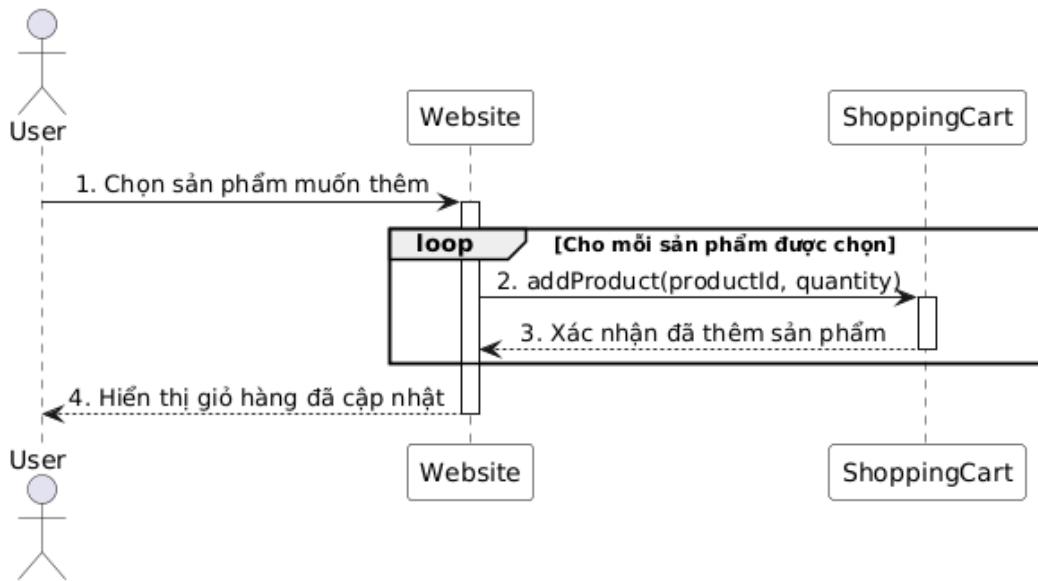


STT	Thông điệp	Mô tả hành động	Loại thông điệp	Giải thích
1	Yêu cầu đăng nhập	Khách hàng gửi yêu cầu đăng nhập lên Website	Synchronous	Website phải nhận và xử lý yêu cầu đăng nhập trước khi phản hồi
2	Xác minh tài khoản	Website gửi thông tin đăng nhập đến hệ thống xác minh (AuthSystem)	Synchronous	Website phải chờ kết quả xác minh từ hệ thống trước khi tiếp tục
3	Kết quả xác minh	Hệ thống xác minh trả kết quả (thành công/thất bại) về cho Website	Return	Là kết quả phản hồi của thông điệp số 2
4.a	Hiển thị giao diện cá nhân	Website hiển thị giao diện cá nhân cho khách hàng (nếu thành công)	Return	Kết quả hiển thị khi xác minh đăng nhập thành công
4.b	Hiển thị thông báo lỗi	Website thông báo lỗi đăng nhập cho khách hàng (nếu thất bại)	Return	Kết quả hiển thị khi xác minh đăng nhập thất bại

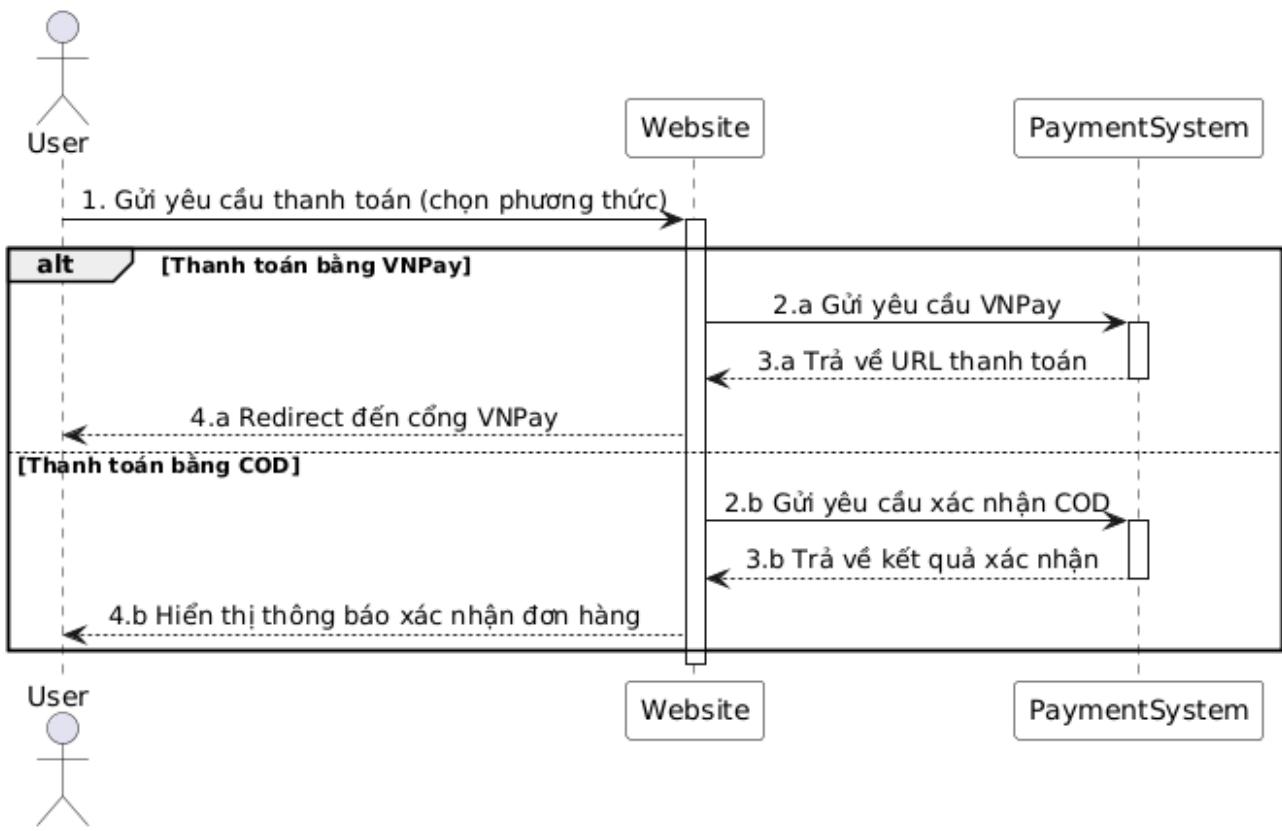
Bài 3:



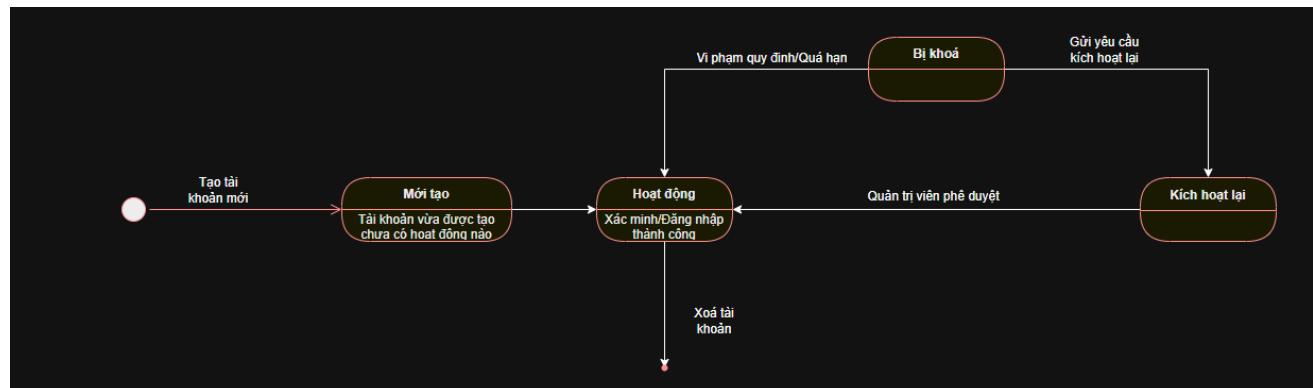
Bài 4:



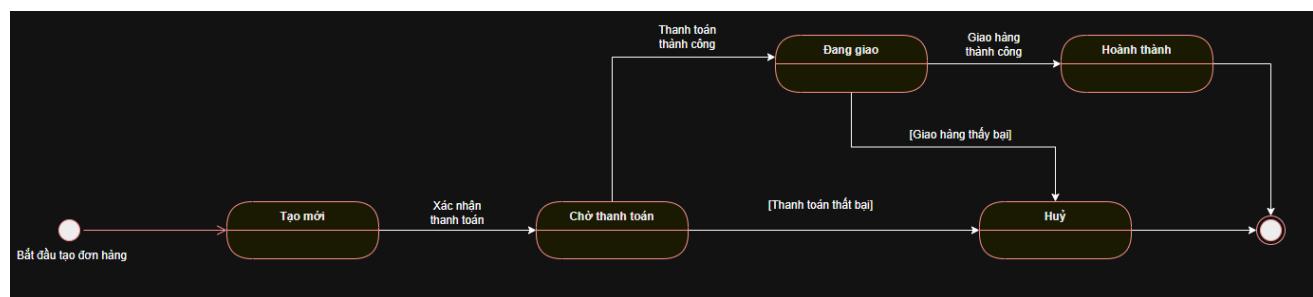
Bài 5:



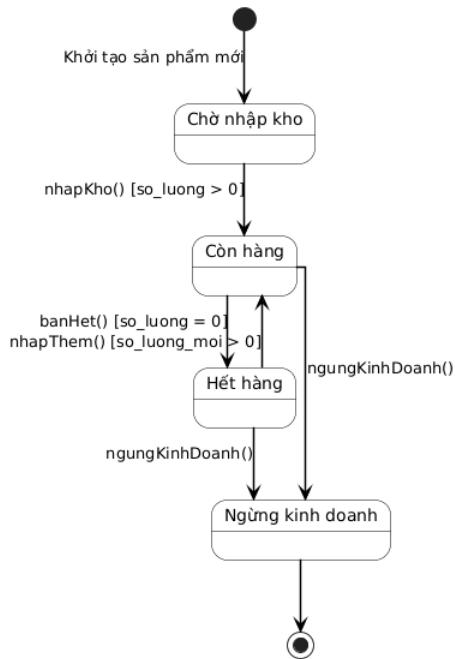
Bài 6:



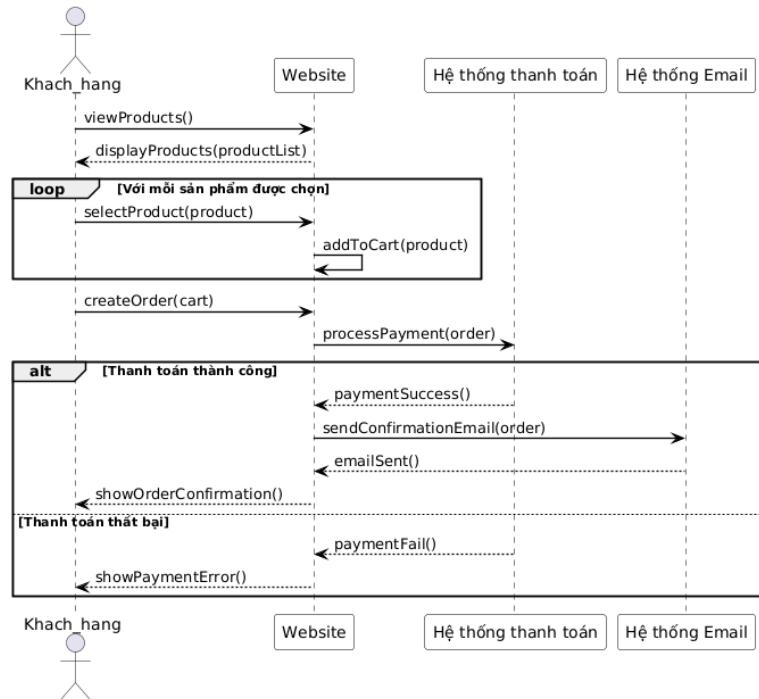
Bài 7:



Bài 8:



Bài 9:



Bài 10:

